

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1																
MÔN: HOÁ HỌC 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT																
T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Thời gian	NB, TH	VD	VDC
			Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	TN	TL				
1	Chương 1: Este và lipit	Este	4	6	3	4.5	0		0		7		10.5	23.3%	0.0%	0.0%
2		Lipit	3	4.5	2	3	0		0		5		7.5	16.7%		
3	Chương 2: Cacbohidrat	Glucozơ	3	4.5	2	3			0		5		7.5	16.7%		
4		Saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ	4	6	3	4.5					7		10.5	23.3%		
5	Chương 3: Amin, amino axit và protein	Amin	2	3	2	3					4		6	13.3%		
6		Amino axit	2	3	0	0					2		3	6.7%		
Tổng			18	27	12	18	0	0	0	0	30	0	45	100.0%		
Tỉ lệ %			60%		40%		0%		0%							

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
MÔN: HÓA HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương 1: Este, lipit	1. Este	Nhận biết: - Khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử, danh pháp, điều chế, ứng dụng, tính chất hoá học este. - Tính khối lượng các chất trong phản ứng thủy phân khi biết công thức phân tử, công thức cấu tạo của este. Thông hiểu: - Tính chất vật lí este. - Xác định CTCT, tên gọi este khi biết CTCT, tên gọi sản phẩm phản ứng thủy phân và ngược lại. - Xác định cấu tạo, tính khối lượng este trong hỗn hợp các este.	4	3		
		2. Lipit	Nhận biết: - Khái niệm chất béo, biết công thức cấu tạo gọi tên các chất béo, axit béo cơ bản; tính chất vật lí, tính chất hoá học, ứng dụng của chất béo. - Tính khối lượng chất béo trong phản ứng thủy phân. Thông hiểu: - So sánh phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit và bazơ. - Dựa vào tính chất hóa học xác định chất béo hoặc sản phẩm phản ứng thủy phân chất béo. - Xác định cấu tạo, tính khối lượng chất béo trong hỗn hợp.	3	2		
2	Chương 2:		Nhận biết: - Khái niệm, phân loại, đặc điểm cấu tạo,	7	5		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Cacbohidrat	3. Cacbohidrat	tính chất vật lí, ứng dụng, tính chất hoá học cacbohidrat. Thông hiểu: - Tính khối lượng các chất trong phản ứng lên men rượu, phản ứng tráng bạc, phản ứng cháy, phản ứng thủy phân.				
3	Chương 3: Amin, aminoaxit	4. Amin	Nhận biết: - Khái niệm, phân loại, cách gọi tên, cấu tạo phân tử, bậc amin; tính chất vật lí, tính chất hoá học (tính bazơ, phản ứng thế brom). - Xác định công thức amin, tính khối lượng các chất trong phản ứng với axit, phản ứng cháy của amin. Thông hiểu: - Quan sát thí nghiệm, rút ra được nhận xét về cấu tạo và tính chất; so sánh tính bazơ của amin. - Xác định CTPT, CTCT, khối lượng amin trong hỗn hợp các amin.	2	2		
		5. Amino axit	Nhận biết: - Khái niệm, tên gọi, công thức các amino axit cơ bản, tính chất vật lí, tính chất hoá học amino axit.	2	0		
Tổng				18	12	0	0

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1																									
MÔN: HOÁ HỌC 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT																									
Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm												
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Thời gian	NB, TH	VD	VDC										
		Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	TN	TL														
Sự điện li	Sự điện li	2	3.6	0	0					2		3.6	8.0%	0.0%	0.0%										
	Axit, bazơ, muối	2	3.6	0	0					2		3.6	8.0%												
	Sự điện li của nước, pH	2	3.6	2	3.6					4		7.2	16.0%												
	Phản ứng trao đổi ion	2	3.6	3	5.4					5		9	20.0%												
Nitơ và hợp chất	Nitơ	2	3.6	0	0					2		3.6	8.0%												
	Axit nitric và muối nitrat	2	3.6	2	3.6					4		7.2	16.0%												
	Amoniac và muối amoni	3	5.4	3	5.4					6		10.8	24.0%												
Tổng		15		27		10		18		0		0		0		0		25		0		45		100.0%	
Tỉ lệ %		60%		40%		0%		0%																	

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
MÔN: HÓA HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Sự điện li	I.1. Sự điện li	Biết:	2	0		
			- Định nghĩa và phân biệt được chất điện li, chất không điện li, chất điện li mạnh, chất điện li yếu.				
			- Viết được phương trình điện li của chất điện li mạnh, chất điện li yếu.				
2		I.2. Axit - bazơ - muối	Biết:	2	0		
			- Định nghĩa : axit, bazơ, hidroxit lưỡng tính và muối theo thuyết A-rê-ni-ut.				
			- Nhận biết được một chất cụ thể là axit, bazơ, muối, hidroxit lưỡng tính, muối trung hoà, muối axit theo định nghĩa.				
3		I.3. Sự điện li của nước - pH	Biết:	2	2		
			- Tích số ion của nước, ý nghĩa tích số ion của nước, khái niệm về pH, định nghĩa môi trường axit, môi trường trung tính và môi trường kiềm.				
			- Xác định được môi trường của dung dịch với quỳ tím, dung dịch phenolphthalein.				
			Hiểu:				
			- Bài toán pH khi trộn axit mạnh với bazơ mạnh.				
4		I.4. Phản ứng trao đổi ion	Biết:	2	3		
	- Bản chất cả điều kiện xảy ra của phản ứng xảy ra trong dung dịch các chất điện li là phản ứng giữa các ion.						
	Hiểu:						
	- Viết được phương trình ion đầy đủ và rút gọn.						
	- Tính nồng độ mol ion trong dung dịch chất điện li mạnh; bảo toàn điện tích.						
5	Nitơ và hợp chất	II.1. Nitơ	Biết:	2	0		
			- Vị trí, cấu hình electron, cấu tạo phân tử, tính chất vật lí, ứng dụng chính, trạng thái tự nhiên.				
			- Tính chất hoá học đặc trưng của nitơ, viết được các phản ứng hóa học minh họa tính chất nitơ.				
6		II.2. Amoniac và muối amoni	Biết:	3	2		
			- Tính chất vật lí, ứng dụng chính, cách điều chế amoniac				
			- Tính chất vật lí muối amoni.				
			- Tính chất hoá học của amoniac và muối amoni.				
			Hiểu:				
			- Phân biệt được muối amoni với một số muối khác bằng phương pháp hóa học.				
			- Bài toán thể tích khí amoniac sản xuất được ở đktc theo hiệu suất phản ứng.				
7		II.3. Axit nitric và muối nitrat	Biết:	2	3		
			- Tính chất vật lí, ứng dụng, cách điều chế HNO3				
			- Tính chất hóa học của HNO3 và muối nitrat.				

		Hiểu:				
		- Viết các PTHH dạng phân tử, ion rút gọn minh hoạ tính chất hoá học của HNO ₃ đặc và loãng.				
		- Tính thành phần % khối lượng của hỗn hợp 2 kim loại tác dụng với HNO ₃ .				

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1																
MÔN: HOÁ HỌC 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT																
TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Thời gian	NB, TH	VD	VDC
			Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	TN	TL				
1	Chương 1: Nguyên tử	Kí hiệu nguyên tử, các loại hạt, số khối, điện tích, cấu tạo nguyên tử, hạt nhân	4	7.2	0	0					4		7.2	16.0%	0.0%	0.0%
2		Đồng vị	2	3.6	2	3.6					4		7.2	16.0%		
3		Bài toán các loại hạt	2	3.6	3	5.4					5		9	20.0%		
4		Xác định kim loại, muối	0	0	2	3.6					2		3.6	8.0%		
5		Lớp, phân lớp, cấu hình electron, xác định tính chất	4	7.2	1	1.8					5		9	20.0%		
6	Chương 2: Bảng tuần hoàn	Vị trí, cấu hình electron	2	3.6	2	3.6					4		7.2	16.0%		
7		Biến đổi tính kim loại, phi kim	1	1.8	0	0					1		1.8	4.0%		
Tổng			15	27	10	18	0	0	0	0	25	0	45	100.0%		
Tỉ lệ %			60%		40%		0%		0%							

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
MÔN: HÓA HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo các mức độ nhận thức		Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	
1	Nguyên tử	Thành phần, cấu tạo nguyên tử (e, p, n, hạt nhân, vỏ, điện tích, A); Kí hiệu nguyên tử	Nhận biết: Thành phần của nguyên tử (nguyên tử vô cùng nhỏ; nguyên tử gồm 2 phần: hạt nhân và lớp vỏ nguyên tử; hạt nhân tạo nên bởi các hạt proton, notron; lớp vỏ tạo nên bởi các electron; điện tích, khối lượng mỗi loại hạt). Khái niệm về nguyên tố hoá học, số hiệu nguyên tử và kí hiệu nguyên tử.	4		4
		Đồng vị	Nhận biết: Đồng vị, nguyên tử khối. Thông hiểu: Tính được nguyên tử khối trung bình (theo u) dựa vào khối lượng nguyên tử và phần trăm số nguyên tử của các đồng vị.	2	2	4
		Bài toán các loại hạt	Nhận biết: - Nguyên tử gồm hạt nhân mang điện tích dương và vỏ nguyên tử mang điện tích âm. - Hạt nhân gồm các hạt proton và notron. - Xác định số proton, electron, notron trong nguyên tử.	2	3	5

			Thông hiểu: - Bài toán các loại hạt trong nguyên tử, số khối, ...			
		Xác định kim loại, muối	Xác định được kim loại khi cho kim loại hoặc hỗn hợp 2 kim loại tác dụng dung dịch HCl, H ₂ SO ₄ loãng (giống câu 10; 16 chương 1 đề cương)		2	2
		Lớp, phân lớp, cấu hình electron, xác định tính chất cơ bản	Nhận biết: Khái niệm lớp, phân lớp electron và mối quan hệ về số lượng phân lớp trong một lớp; số electron tối đa trên các phân lớp; lớp Viết được cấu hình electron của các nguyên tố khi biết Z. Thông hiểu: Dựa vào đặc điểm cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử dự đoán được tính chất hoá học cơ bản (kim loại, phi kim, khí hiếm)	4	1	5
2	Bảng tuần hoàn – Định luật tuần hoàn	Vị trí BTH, cấu hình electron	Nhận biết: Các khái niệm liên quan ô, chu kì, nhóm. Biết nguyên tố s, p, d. Thông hiểu: Xác định vị trí khi biết cấu hình electron. Viết cấu hình electron khi biết vị trí, số electron trên các lớp, phân lớp, mức năng lượng.	2	2	4
		Biến đổi tính kim loại, tính phi kim	Nhận biết: Nhận xét và giải thích được xu hướng biến đổi tính kim loại, phi kim của nguyên tử các nguyên tố trong một chu kì, trong một nhóm A.	1		1
		Tổng		15	10	

Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức		60%	40%	
Tỉ lệ chung		100%		